

QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Tháng 03, 2024

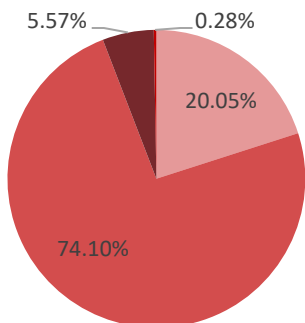
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/03/2024

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
MÃ QUỸ	FUESSVFL
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
NGÀY KẾT THÚC ĐĂNG KÝ GÓP VỐN	10/01/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	2,124 Tỷ VND (~90.17 triệu USD) (tại ngày 31/03/2024)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0.65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	99,300,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, KIS, BVSC, HSC
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	20
HỆ SỐ P/E	9.67x
HỆ SỐ P/B	1.43x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD INDEX

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính. VNAIShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

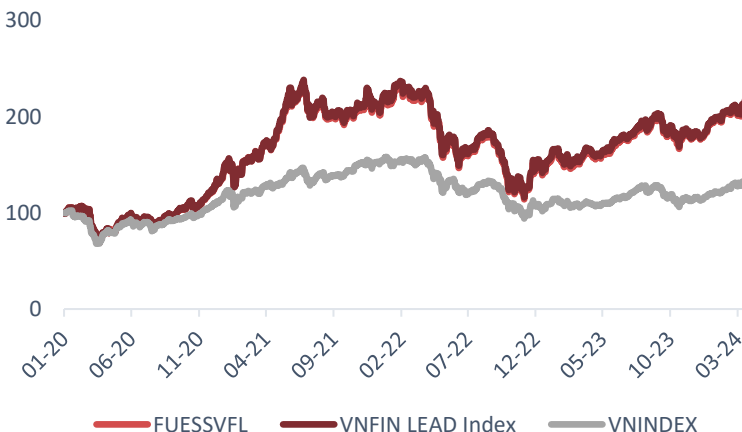
Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho > 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn (10/01/2020)
FUESSVFL	21,393.54	2.54%	16.65%	16.65%	113.94%
VNFIN LEAD Index	2,123.58	2.63%	16.91%	16.91%	116.34%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



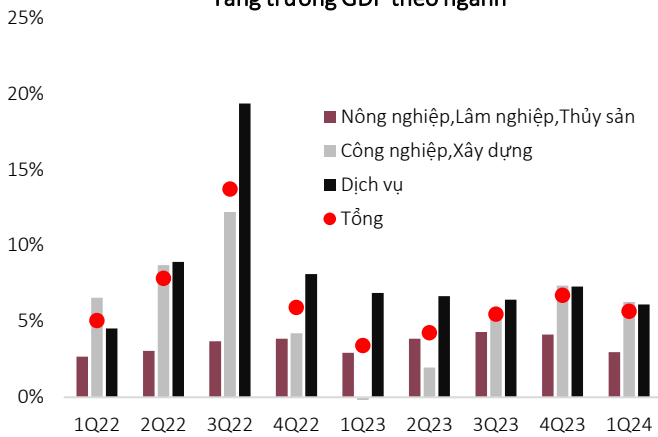
CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 03/2024

Kinh tế tăng tốc trong quý 1

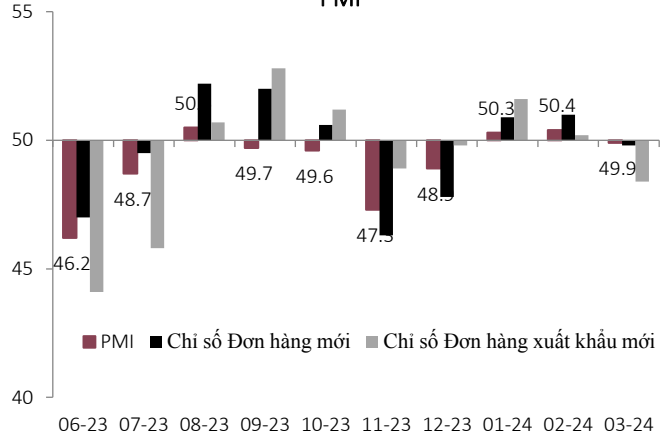
GDP Việt Nam tăng 5.66% svck trong quý 1/2024, đây là mức tăng trưởng quý đầu năm cao nhất trong vòng 4 năm qua, một dấu hiệu tích cực cho sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi sự sôi động hơn của hoạt động sản xuất (+7.0% svck) và dịch vụ (+6.1% svck). Về vốn đầu tư, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong quý 1/2024 tăng chậm 4.7% svck, chủ yếu do giải ngân đầu tư công thường chậm lại trong những tháng đầu năm. Thặng dư thương mại tăng lên 8.1 tỷ USD trong quý 1/2024 so với 4.8 tỷ USD trong quý 1/2023, góp phần đáng kể vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Chúng tôi duy trì triển vọng lạc quan về tăng trưởng kinh tế trong năm nay với kỳ vọng đầu tư gia tăng trong thời gian tới, tiêu dùng mạnh mẽ và sự tăng trưởng của hoạt động sản xuất. Chúng tôi dự báo tăng trưởng GDP sẽ kết thúc năm ở mức 6.5% YoY.

Lĩnh vực sản xuất tiếp tục tăng trưởng, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 5.7% YoY trong Q1/2024, được thúc đẩy bởi hoạt động xuất khẩu mạnh mẽ (+17.0% svck trong Q1/2024 so với -11.0% trong Q1/2023). Mặt khác, PMI sản xuất giảm xuống 49.9, đánh dấu mức giảm đầu tiên sau 2 tháng liên tiếp duy trì trên ngưỡng 50 điểm. Số lượng đơn đặt hàng mới giảm lần đầu tiên sau ba tháng. Tuy nhiên, số lượng việc làm tiếp tục tăng, cho thấy sự tin tưởng của các nhà sản xuất vào triển vọng kinh doanh. Chúng tôi cho rằng hoạt động sản xuất của Việt Nam sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng trong thời gian tới, tương quan với sự phục hồi của ngành sản xuất của các nước trong khu vực.

Tăng trưởng GDP theo ngành



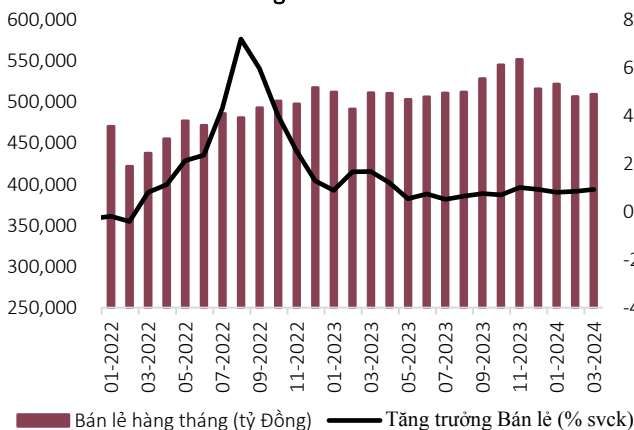
PMI



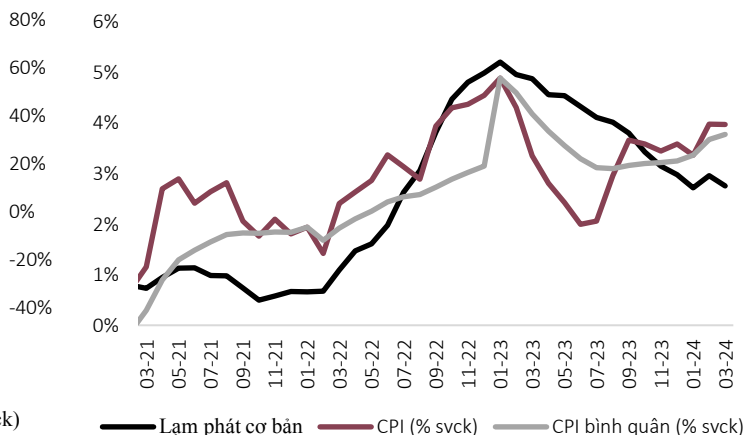
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tăng 9.2% svck trong Tháng 3, và tăng 8.2% svck trong Q1/2024. Sự tăng trưởng này phần lớn là do sự gia tăng lượng khách du lịch quốc tế, đạt 4.6 triệu (+72% svck), tương đương 103% mức trước đại dịch. Khách du lịch từ Hàn Quốc đạt mức cao kỷ lục là 1.2 triệu trong Q1/2024, cao hơn 11.3% so với mức trước Covid. Lượng du khách đến từ Trung Quốc cũng duy trì tốc độ phục hồi, đạt 70% so với trước đại dịch. Đáng chú ý, lượng khách châu Âu tăng 72% YoY nhờ chính sách thị thực được nới lỏng. Nhìn chung, trong Q1/2024, ngành du lịch Việt Nam đã có mức tăng đáng kể 46% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng 3, lạm phát giảm 0.23% so với tháng trước, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi trước đó. Nhìn chung, tổng quan quý 1/2024, tỷ lệ lạm phát cả nước ở mức 3.8% YoY, thấp hơn nhiều so với mục tiêu Chính phủ đề ra. Áp lực lạm phát giảm chủ yếu do chỉ số lương thực thực phẩm (chiếm 1/3 rổ chỉ số CPI) giảm 0.76% so với tháng trước do nhu cầu giảm sau Tết Nguyên Đán, giá gạo giảm 0.5%, và giá thịt lợn giảm 2.2%.

Tổng mức bán lẻ



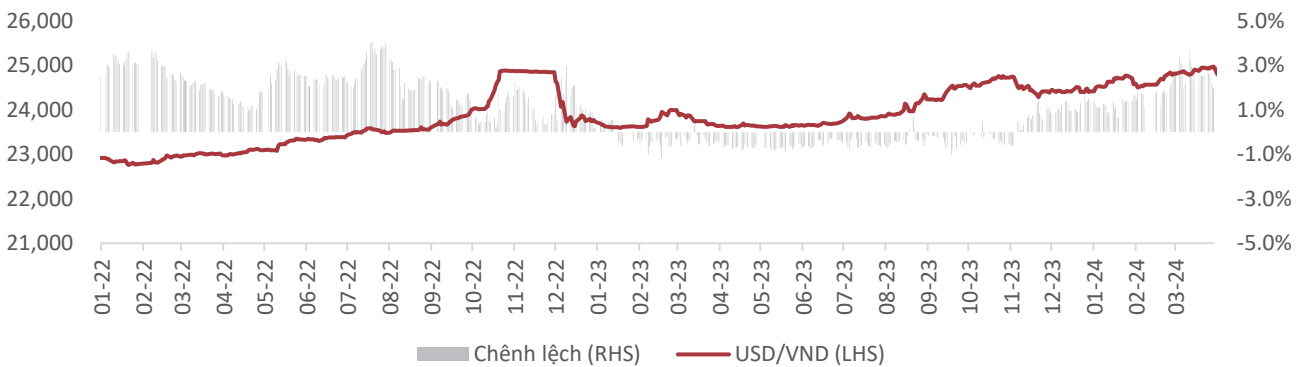
Lạm phát



CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 03/2024

Trên thị trường ngoại hối, VNĐ tiếp tục suy yếu so với USD do (i) đồng đô la Mỹ mạnh hơn, (ii) nhu cầu USD từ các nhà nhập khẩu tăng và (iii) chênh lệch lãi suất âm giữa VNĐ và USD. Đồng nội tệ mất giá khoảng 2.9% so với USD, phù hợp với diễn biến của các đồng tiền khác trong khu vực. Trong tháng 3, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã phát hành lại khoảng 6.8 tỷ USD tín phiếu để rút thanh khoản dư thừa khỏi hệ thống ngân hàng và hỗ trợ đồng nội tệ. Lãi suất qua đêm trên liên ngân hàng tăng lên mức 3.0%/năm do thắt chặt thanh khoản ngắn hạn, tuy nhiên tác động của biện pháp này tới tỷ giá không nhiều như kỳ vọng. Tiền Đồng có thể phải tiếp tục chịu áp lực trong ngắn hạn do sự khác biệt trong chính sách tiền tệ và chúng tôi kỳ vọng NHNN có thể can thiệp sâu hơn để hỗ trợ cho VNĐ thông qua việc bán kỳ hạn ngoại hối. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực về VNĐ trong dài hạn nhờ những yếu tố cơ bản vững chắc của nền kinh tế. Thặng dư thương mại ước tính tăng lên 8.1 tỷ USD trong quý Q1/2024 và cán cân thanh toán ghi nhận thặng dư 5.7 tỷ USD trong năm 2023.

FX



Chỉ số VN-Index khép lại tháng 3 với mức tăng 2.5%, nối dài chuỗi tăng điểm trong 3 tháng liên tiếp. Hầu hết các lĩnh vực đều kết thúc tháng trong sắc xanh, trong đó Hàng tiêu dùng (+8.1%) và Công nghệ thông tin (+7.3%) là những ngành có hiệu suất tốt nhất. Bất chấp những sự kiện tiêu cực như vụ xét xử Vạn Thịnh Phát và việc Ngân hàng Nhà nước phát hành lại tín phiếu, VN-Index vẫn tăng cao hơn nhờ sự tham gia của các nhà đầu tư cá nhân. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tăng khoảng 30% lên 1.1 tỷ USD. Mặt khác, khối ngoại vẫn bán ròng với tổng giá trị bán ròng là 0.45 tỷ USD, chủ yếu là bán VNM (89 triệu USD) và VHM (87 triệu USD). Các quỹ ETF cũng rút ròng khoảng 184 triệu USD trong tháng 3.

Tỷ lệ P/E forward của VN-Index là 12 lần, thấp hơn đáng kể so với P/E trung bình 5 năm khoảng 17 lần. Chúng tôi duy trì triển vọng tích cực đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, nhờ (i) tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận (ii) sự tham gia ngày càng tăng của nhà đầu tư nhỏ lẻ do lãi suất huy động thấp, (iii) quyết tâm của Chính phủ trong việc nâng hạng thị trường và (iv) khả năng quay trở lại của nhà đầu tư nước ngoài. Trong ngắn hạn, mặc dù áp lực bán có thể gia tăng do hoạt động chốt lời và VNĐ suy yếu, tâm lý thị trường có thể được hỗ trợ bởi kết quả lợi nhuận Q1/2024 và kế hoạch lợi nhuận năm 2024 của các công ty niêm yết.

TÍNH ĐẾN 29/03/2024	1 THÁNG	3 THÁNG	TĐN	TỶ TRỌNG VN-INDEX	P/E 12 THÁNG	P/B HIỆN TẠI	ROE	BETA
Dịch vụ truyền thông	0.3%	-1.3%	-1.3%	1.1%	0.1%	28.3	0.8	3.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	8.6%	18.9%	18.9%	4.1%	3.4%	36.5	2.7	5.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	-0.6%	2.3%	2.3%	-13.5%	8.4%	23.4	2.8	11.9
Năng lượng	4.5%	8.8%	8.8%	19.6%	1.6%	16.8	1.5	9.4
Tài chính	1.1%	19.1%	19.1%	21.7%	44.6%	10.7	1.7	17.2
Chăm sóc sức khỏe	4.5%	8.6%	8.6%	12.4%	0.7%	15.4	2.0	15.2
Công nghiệp	5.6%	8.7%	8.7%	24.8%	8.5%	21.1	2.0	7.6
Công nghệ thông tin	7.3%	19.8%	19.8%	44.1%	3.2%	23.3	5.3	24.5
Nguyên vật liệu	5.1%	21.5%	21.5%	42.9%	9.2%	25.2	1.8	6.8
Bất động sản	3.4%	6.0%	6.0%	-4.5%	14.4%	14.6	1.4	9.7
Tiện ích	1.6%	5.0%	5.0%	-2.5%	6.0%	15.8	2.0	12.9
VN-Index	2.5%	13.6%	13.6%	12.2%	100%	16.8	1.8	11.9
VN30	2.5%	14.6%	14.6%	12.6%		13.0	1.7	14.1



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Trong tháng 3, chỉ số VNFIN LEAD tiếp tục tăng 2.63% trong tháng và quỹ FUESSVFL của chúng tôi ghi nhận mức tăng 2.54%. So với thời điểm đầu năm 2024, chỉ số VNFIN LEAD tăng trưởng 16.91% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSVFL đạt 16.65% (cao hơn mức tăng của toàn bộ thị trường chứng khoán Việt Nam với VN-Index tăng 13.6% và VN30-Index tăng 14.6%).

Trong tháng 3, bất chấp một số thông tin tiêu cực có ảnh hưởng xấu tới tâm lý nhà đầu tư, quỹ FUESSVFL của chúng tôi vẫn tiếp tục tăng trưởng. Các thông tin kém tích cực, bao gồm:

- Ngân hàng nhà nước phát hành tín phiếu trở lại từ ngày 11/3 để hấp thụ thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng
- Chủ tịch nước từ nhiệm sau hơn 1 năm nhậm chức
- VN-Direct (công ty chứng khoán đứng thứ ba trên sàn HOSE theo thị phần giao dịch năm 2023) bị tấn công mạng và tạm dừng giao dịch cho khách hàng (25/3 – 29/3)

Tuy vậy, thị trường vẫn được hỗ trợ bởi một số thông tin tích cực, bao gồm:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố dự thảo sửa đổi các Thông tư, bao gồm đề xuất bỏ yêu cầu ký quỹ trước giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
- Những diễn biến tích cực liên quan đến dự án mỏ khí Lô B nhận được quyết định đầu tư cuối cùng (FID) từ Công ty TNHH Thăm dò Dầu khí Mitsui (MOECO)
- Chứng khoán thế giới tiếp tục tăng điểm, bao gồm Dow Jones (+2.1% trong tháng 3), S&P 500 (+3.1%) và Nikkei 225 (+3.1%), cùng nhiều chỉ số khác

Trong tháng 3, ngành dịch vụ tài chính ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất thị trường và là tháng tăng thứ 5 liên tiếp (+7,0%) chủ yếu nhờ VCI (+18.0%), BSI (+16.2%), SHS (+13.6%), và VIX (+12.3%). Trong khi đó, ngành ngân hàng chỉ ghi nhận mức tăng 0.5% trong tháng 3.

Chúng tôi tin rằng nhóm ngành ngân hàng và dịch vụ tài chính sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong năm 2024 khi giá cổ phiếu tiếp tục phục hồi từ mức quá bán vào cuối năm 2022 khi lo ngại về rủi ro hệ thống giảm bớt. Mặc dù những thách thức về chất lượng tài sản vẫn còn sau đại dịch COVID-19 và những đợt suy thoái gần đây hơn trong lĩnh vực xuất khẩu và bất động sản nhà ở, chúng tôi tin rằng các ngân hàng sẽ có thể giải quyết các vấn đề nợ xấu mà lợi nhuận không bị sụt giảm gây mất ổn định. Quan điểm này được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất duy trì ở mức thấp cũng như các chính sách về tài khóa và tiền tệ nới lỏng từ phía cơ quan điều hành. Trong khi đó, định giá của khối các ngân hàng tư nhân tiếp tục hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng thu nhập và ROE.

Diễn biến tháng Ba củng cố thêm nhận định của chúng tôi về tiềm năng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam cũng như thị trường chứng khoán nước này. Ngành tài chính với sự góp mặt của các cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán (và cả Bảo hiểm theo từng thời điểm) sẽ tiếp tục là ngành dẫn dắt nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán, và lịch sử tăng trưởng trung bình gộp 18-20% của FUESSVFL sẽ là lựa chọn sáng suốt của các nhà đầu tư có kinh nghiệm cũng như hiểu biết về sản phẩm ETF, thị trường chứng khoán và cách thức vận hành của nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù tăng trưởng tốt trong tháng cuối năm, vẫn còn rất nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư để gia tăng giải ngân nắm giữ để hưởng lợi từ xu hướng phục hồi và tăng trưởng bền vững trong tương lai.



DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (triệu VND)	FOL	ROA (%)	ROE (%)	YTD 2024 (%)	P/E	P/B	CTR MTD
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	8.11	110,695,435	0%	2.42	24.80	19.25%	6.89	1.56	1.54
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.33	296,992,710	13%	0.97	19.83	20.05%	13.78	2.52	0.07
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.99	190,903,207	3%	1.04	17.08	31.18%	9.40	1.48	0.62
4	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	3.93	32,031,937	27%	1.12	10.09	0.27%	14.63	1.41	0.03
5	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.98	22,254,737	5%	4.04	8.32	24.16%	29.04	2.36	0.18
6	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	3.40	69,710,470	0%	1.98	24.74	18.72%	6.89	1.56	0.45
7	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2.26	44,886,168	3%	1.57	19.16	11.43%	7.36	1.30	0.40
8	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	7.04	134,291,935	0%	2.47	24.51	36.19%	6.28	1.40	2.40
9	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.40	29,100,000	0%	1.94	16.03	11.92%	6.20	0.92	0.17
10	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.29	30,719,623	0%	1.52	12.28	12.41%	9.24	1.07	0.04
11	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.57	41,751,501	25%	1.26	16.10	5.56%	5.55	0.83	0.33
12	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	12.10	57,716,839	55%	3.78	10.11	17.38%	25.35	2.52	1.94
13	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	14.43	59,572,817	5%	1.22	18.30	13.06%	7.67	1.29	1.80
14	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	11.82	167,495,389	0%	2.33	14.84	49.53%	9.27	1.28	4.53
15	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1.75	42,051,229	1%	1.30	13.74	9.77%	9.25	1.26	0.19
16	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3.24	530,404,761	6%	1.81	21.99	18.18%	16.11	3.23	0.62
17	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.81	23,537,500	77%	3.12	7.09	25.85%	47.64	3.18	0.41
18	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.62	62,405,465	0%	2.28	23.95	29.13%	7.29	1.62	0.45
19	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	5.20	27,949,520	80%	5.02	13.05	3.15%	13.78	1.69	0.18
20	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	13.73	156,694,991	2%	1.38	8.62	2.86%	13.56	1.16	0.41

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

GIẢI THƯỞNG



TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA

- “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023
- “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021

TẠP CHÍ THE ASSET

- “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà Cung cấp ETF của Năm” 2021

TẠP CHÍ ASIANINVESTOR

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2010
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022

TẠP CHÍ ASIA ASSET MANAGEMENT

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
- “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

ÔNG. HỒ MINH TRÍ
Giám đốc phát triển kinh doanh

T: (+84) 28 3824 2897 ext 1628
M: (+84) 90 888 9669
E: trihm@ssi.com.vn

ÔNG. PHẠM TUẤN ANH
Giám đốc đầu tư

T: (+84) 24 3936 6321
E: anhpt@ssi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI (SSI)

ÔNG. NGUYỄN ANH ĐỨC
Giám đốc khối Phát triển khách hàng tổ chức

M: (+84) 979 585658
E: ducna1@ssi.com.vn